

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/HS-ST**

Ngày: 28 – 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Loan

Bà Nguyễn Thị Thật

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trường Ch (tên gọi khác: U), sinh năm 1993, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp V, xã L, huyện N, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Hằng E (sinh năm 1989 và có 01 con, (sinh năm 2016). Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 20/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện N ra quyết định số 48/2017/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, đến ngày 29/11/2018 được Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 403/QĐ-TA miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2020, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Tăng Huỳnh Thanh T (tên gọi khác: T), sinh năm 1985, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Tăng Văn H (năm sinh không rõ) và bà Huỳnh Thị B (đã chết); bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 28/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện N ra quyết định số

135/2016/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, đến ngày 22/01/2018 được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 63/QĐ-TA miễn chấp hành thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2020, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ ngày 08/4/2020, Nguyễn Trường Ch đi bộ từ nhà tại ấp V, xã L, huyện N đến nhà của Tăng Huỳnh Thanh T tại ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai rủ T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không nhớ biển kiểm soát) chở Ch đi tìm xem ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi ngang qua khu nhà mồ của ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1971), ngụ tại ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Ch và T nhìn thấy 03 cánh cửa bằng sắt trong khu nhà mồ cửa không khóa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp 03 cánh cửa trên. Ch và T dừng xe lại đi vào lên đến tháo 02 cánh cửa nhỏ bên hông rồi mang đến tiệm ve chai của bà Nguyễn Thị E (sinh năm 1961) ở ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai bán được 400.000 đồng, mua ma túy về cả hai sử dụng hết.

Đến 10 giờ ngày 09/4/2020, Ch và T tiếp tục đến khu nhà mồ tháo 01 cánh cửa lớn còn lại rồi mang đến tiệm ve chai của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1980) ở ấp V, xã L, huyện N bán được 250.000 đồng. Khi T đang đứng chờ Ch quay lại thì bị ông Nguyễn Văn L phát hiện trình báo Công an xã L. Công an xã L lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ:

+ 01 cánh cửa sắt ngang 90,7cm x 2,100cm có 02 hoa văn nhọn, 01 hoa văn hình phượng hoàng. Đối với 02 cánh cửa nhỏ đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Tại Kết luận số 126/KLĐG –HĐĐG ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận:

- 01 cánh cửa sắt, kích thước 1,9m², giá trị còn lại 90%, trị giá 1.710.000 đồng.

- 02 cánh cửa sắt, kích thước 1,44m², giá trị còn lại 90%, trị giá 2.592.000 đồng.

Tổng giá trị: 4.302.000 đồng. (bút lục 41- 42).

Tại bản cáo trạng số: 06/CT.VKS-NT ngày 06/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn Trường Ch, Tăng Huỳnh Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường Ch, Tăng Huỳnh Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường Ch mức án từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù và xử phạt bị cáo Tăng Huỳnh Thanh T mức án từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù.

Tuyên buộc bị cáo Ch, bị cáo T phải bồi thường số tiền 2.592.000đồng là giá trị tài sản bị thiệt hại cho ông Nguyễn Văn L theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị H là người đã mua các cánh cửa sắt của Ch và T nhưng do những người này không biết đây là tài sản do Ch và T trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô mà Ch và T đã sử dụng để đi trộm cắp, xe không có giấy tờ, tài sản không thu hồi được, do trước khi bị bắt C đã giao lại cho Nguyễn Trường Ch sử dụng, hiện Chinh đã bán cho một người không rõ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, không có tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường Ch, Tăng Huỳnh Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Các bị cáo khai nhận, ngày 08/4/2020 bị cáo Ch, bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 cánh cửa sắt trị giá 2.592.000đồng của ông Lầu. Ngày 10/4/2020 hai bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 01 cánh cửa sắt, trị giá 1.710.000đồng của ông Lầu thì bị ông Lầu phát hiện trình báo Công an xã L. Công an xã L lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 4.302.000đồng. Lời khai nhận của các bị cáo trùng khớp lời khai ban đầu, lời khai của bị hại cùng chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Trường Ch và Tăng Huỳnh Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Trường Ch và Tăng Huỳnh Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quan hệ sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu về mặt an ninh và trật tự trong xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra nhưng do tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, cần cho bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Xét vai trò các bị cáo: Bị cáo Ch tham gia với vai trò chủ mưu cầm đầu, rủ rê bị cáo T, trực tiếp lấy tài sản trộm cắp. Bị cáo T là đồng phạm trong vụ án giữ vai trò giúp sức, là người đã sử dụng xe honda wave chở Ch đi tìm xem ai có sơ hở để trộm cắp. Do đó, cần xét xử với mức án tương xứng với từng hành vi của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng: không có.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 cánh cửa sắt ngang 90,7cm x 2,100cm có 02 hoa văn nhon, 01 hoa văn hình phượng hoàng đã thu hồi và Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện N đã trả lại cho bị hại (BL 45) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về Trách nhiệm dân sự: Tài sản là 02 cánh cửa sắt kích thước 1,44m² các bị cáo Ch, T chiếm đoạt của bị hại đã không thu hồi được. Tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo Ch, T phải bồi thường cho bị hại số tiền 2.592.000đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Ch, bị cáo T phải liên đới bồi thường cho ông L số tiền 2.592.000đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông L số tiền 1.296.000đồng.

Đối với số tiền 250.000đồng bà Nguyễn Thị H trả cho Ch, T khi mua 01 cánh cửa sắt lớn và số tiền 400.000đồng bà Nguyễn Thị E trả cho Ch, T khi mua 02 cánh cửa sắt nhỏ. Trong quá trình điều tra do bà H, bà E không yêu cầu các bị cáo Ch, T phải trả lại số tiền trên nên không Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm truy tố, tội danh, điều luật áp dụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị H là người đã mua các cánh cửa sắt của Ch và T nhưng do những người này không biết đây là tài sản do Ch và T trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với chiếc xe mô tô mà Ch và T đã sử dụng để đi trộm cắp, xe không có giấy tờ, tài sản không thu hồi được, do trước khi bị bắt Ch đã giao lại cho Nguyễn Trường Ch sử dụng, hiện Chinh đã bán cho một người không rõ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trường Ch và bị cáo Tăng Huỳnh Thanh T, mỗi người phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 46; Điều 48; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường Ch, Tăng Huỳnh Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 298, 299, 326, 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường Ch 13 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/9/2020.

Xử phạt bị cáo Tăng Huỳnh Thanh T 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/9/2020.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Ch, bị cáo T phải liên đới bồi thường cho ông L số tiền 2.592.000đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông L số tiền 1.296.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

2- Về án phí: Bị cáo Ch, bị cáo T mỗi người phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3- Các Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh, huyện;
- STP tỉnh Đồng Nai;
- CQ THAHS CA H.NT;
- Chi cục THADS H.NT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lợi